

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm sau khi Ủy ban kinh tế thống nhất kéo dài áp dụng Nghị quyết 42 về xử lý nợ xấu đến hết ngày 31/12/2023

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, DIG

[Cập nhật công ty]

VCB

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế trading đã mở trong những phiên trước và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập

25/05/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,268.43	+2.84
VN30	1,310.70	+2.98
HĐTL VN30F1M	1,299.30	+2.55
HNXIndex	314.91	+2.93
HNX30	567.81	+4.03
UPCoM	94.78	+1.78
USD/VND	23,199	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.12	-0
Lãi suất qua đêm (%)	1.08	-17
Dầu (WTI, \$)	110.75	+0.89
Vàng (LME, \$)	1,857.60	-0.47



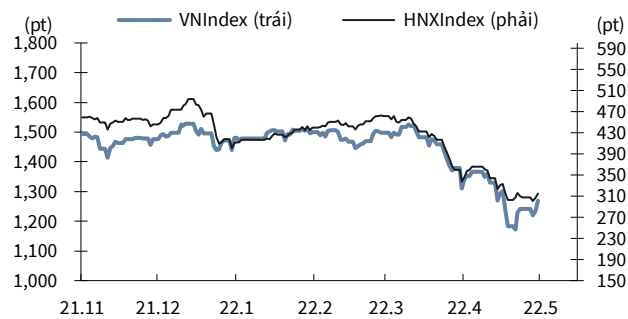
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,268.43 (+2.84%)
KLGD (triệu CP)	655.2 (+45.8%)
GTGD (triệu US\$)	714.4 (+23.5%)
HNXIndex	314.91 (+2.93%)
KLGD (triệu CP)	95.9 (+21.2%)
GTGD (triệu US\$)	87.8 (+21.8%)
UPCoM	94.78 (+1.78%)
KLGD (triệu CP)	47.6 (-15.2%)
GTGD (triệu US\$)	35.6 (+19.9%)

TTCK tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi IMF cho biết kinh tế toàn cầu vẫn có cơ hội tránh được viễn cảnh suy thoái. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản (VASEP) dự báo xuất khẩu tôm trong quý II sẽ đạt khoảng 1.2 tỷ USD, tăng 12%YTD, cổ phiếu ngành tôm tăng ở FMC (+6.9%), MPC (+6.2%). Allspring Global Investments cho biết chủ đề chính của cuộc họp ở Davos làm dấy lên lo ngại về nhu cầu dầu và gây áp lực lên giá, cổ phiếu dầu khí tăng ở PVD (+6.8%), PVS (+5%). Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai cho biết giá heo hơi trong quý II có thể tăng lên 60,000 đồng/kg nếu nguồn cung giảm, nhu cầu tiêu thụ dần phục hồi, cổ phiếu ngành chăn nuôi tăng ở DBC (+1.7%). Khối ngoại mua ròng ở DCM (+6.9%), DPM (+6.9%), VNM (+4.4%).

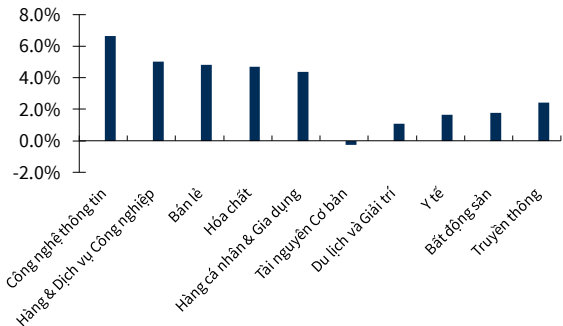
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.8

VNIndex & HNXIndex



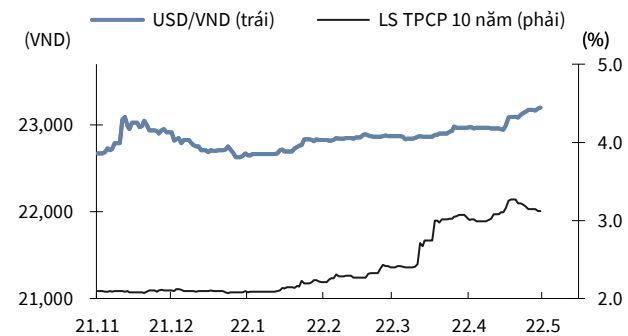
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



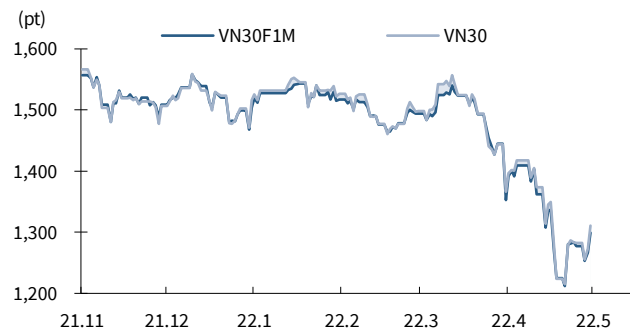
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,310.70 (+2.98%)
VN30F1M	1,299.3 (+2.55%)
Mở cửa	1,275.0
Cao nhất	1,306.0
Thấp nhất	1,268.5
KLGD (HĐ)	319,983 (-18.1%)

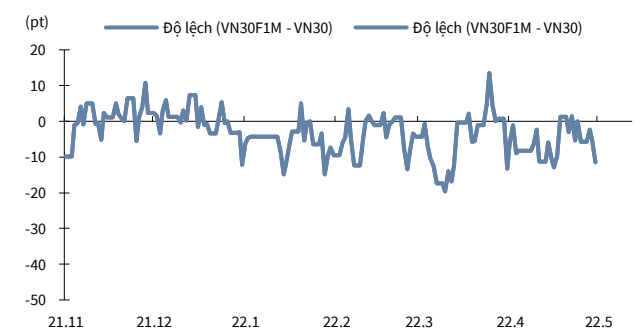
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm sau khi Ủy ban kinh tế thống nhất kéo dài áp dụng Nghị quyết 42 về xử lý nợ xấu đến hết ngày 31/12/2023. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 2.89 điểm sau đó giảm dần và biến động trong biên độ âm, đóng cửa ở mức thấp nhất phiên tại mức -11.4 điểm do chỉ số VN30 tăng mạnh trong phiên ATC. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản thị trường giảm nhưng vẫn ở mức cao.

HĐTL VN30F1M & VN30



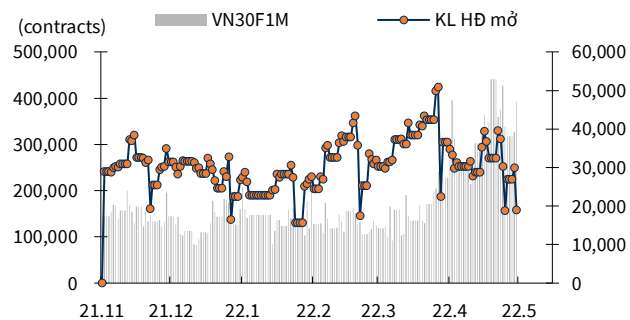
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



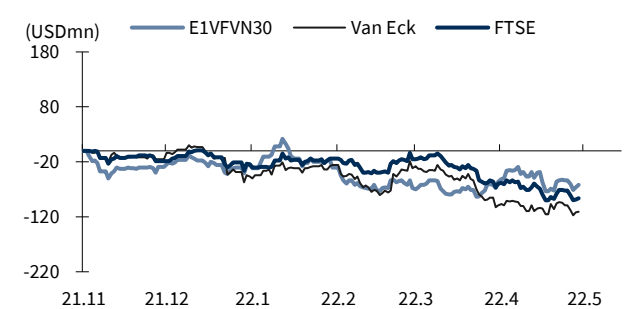
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

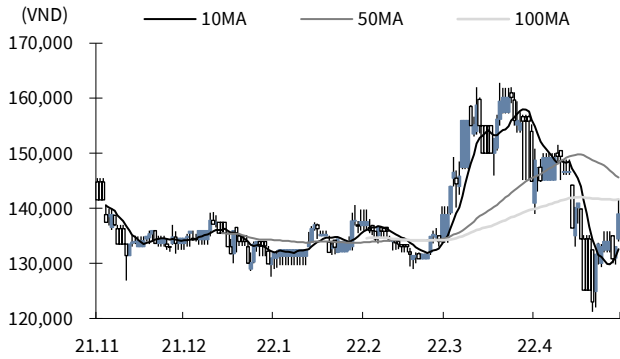
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

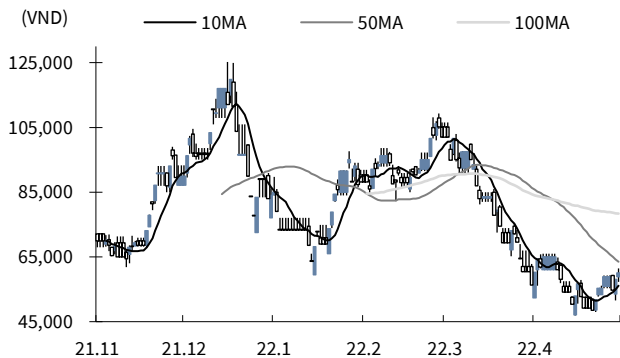
CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 4.51% lên 139,000 VND/cp
- Đầu tư Thế Giới Di Động thông báo tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần công nghệ và đầu tư Bách Hóa Xanh thêm 13,890 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong tháng 5. Mục đích tăng vốn để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh và phục vụ kế hoạch kinh doanh.
- MWG thông báo thêm việc chuyển nhượng 100% vốn Công ty cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh (chủ sở hữu chuỗi bán lẻ thực phẩm Bách Hóa Xanh) cho Công ty cổ phần công nghệ và đầu tư Bách Hóa Xanh. Số lượng cổ phần chuyển nhượng 1.28 tỷ đơn vị, giá trị 12,825 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện trong tháng 5 và 6.

Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DIG tăng 3.62% lên 60,100 VND/cp
- Đầu tư Phát triển Xây dựng thông báo thành lập chi nhánh DIC Group – Ban chỉ đạo dự án đường cao tốc Việt Nam (DIC – VEC). Địa chỉ đặt tại 15 Thi Sách, phường Thăng Tam, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Mục đích thành lập chi nhánh để thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan để tham gia đấu thầu dự án đường cao tốc, và chuẩn bị đầu tư dự án này cùng một số dự án giao thông khác.
- Kế hoạch năm 2022, DIC Corp đặt mục tiêu tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất 5,000 tỷ đồng, tăng 43.2%; và lãi trước thuế 1,900 tỷ đồng, tăng 48.2%

VietcomBank (VCB)

Tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng trong 1Q2022

25/05/2022

 Chuyên viên phân tích Lê Hạnh Quyền
 quyenh@kbsec.com.vn

1Q2022, LNST đạt 11,976 tỷ VND, tăng 18.8% YoY, nhờ tăng trưởng tín dụng tăng 18.7% YoY và NIM cải thiện tốt đạt 3.39%, tăng 24 bps QoQ

Tỷ lệ nợ xấu đạt 0.81%, với trích lập tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao đạt 373%

Kế hoạch kinh doanh và trả cổ tức 2022

Kế hoạch tiếp nhận chuyển giao bắt buộc một tổ chức tín dụng yếu kém

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 95,000 VND/cp

1Q2022, thu nhập lãi thuần đạt 11,976 tỷ VND, tăng 18.8% YoY; lợi nhuận sau thuế đạt 7,967 tỷ VND, tăng trưởng ấn tượng 15.3% so với mức nền cao của 1Q2021, động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao đạt 18.7% YoY và NIM cải thiện tốt đạt 3.39%, tăng 24 bps QoQ.

Tỷ lệ nợ xấu 1Q2022 đạt 0.81%, tăng 18 bps QoQ và giảm 7 bps YoY. VCB tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng trong 1Q2022 với tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 373%.

Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tối thiểu tăng 12%, tổng tài sản dự kiến tăng 8%, dư nợ tín dụng tăng 15% và huy động vốn dự kiến tăng 9%. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 1.5%. Thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận giữ lại năm 2019 và 2020 với tỷ lệ là 18.1%.

Việc tiếp nhận chuyển giao đem lại lợi ích như sau: (1) Mở rộng quy mô, (2) NHNN không giới hạn tăng trưởng tín dụng nếu VCB đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định; (3) Cho vay vượt 15%/25% vốn tự có đối với khách hàng.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VCB. Giá mục tiêu là 95,000 VND/cp, cao hơn 25.7% so với giá tại ngày 24/05/2022.

Mua

Giá mục tiêu VND 95,000

Tăng/Giảm	25.7%
Giá hiện tại (24/05/2022)	VND 75,600
Giá mục tiêu thị trường	VND 94,800
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	357,800

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020	2021	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	36,285	42,400	47,991	56,896
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	33,024	39,149	43,590	51,106
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	18,451	21,919	26,839	34,180
EPS (VND)	4,975	5,116	5,609	6,789
Tăng trưởng EPS (%)	0%	3%	10%	21%
PER (x)	17.1	16.6	15.1	12.5
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	25,370	29,421	30,662	36,425
PBR (x)	3.3	2.9	2.8	2.3
ROE (%)	21%	22%	21%	21%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1%	1%	1%	1%

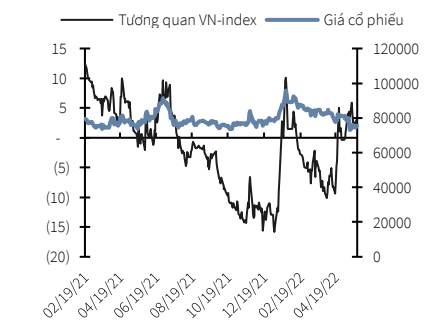
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	129.6/5.7
Sở hữu nước ngoài (%)	6.4%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (74.8%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-7.2	-11.0	-1.8	-3.5
Tương đối	1.5	6.8	13.0	3.0

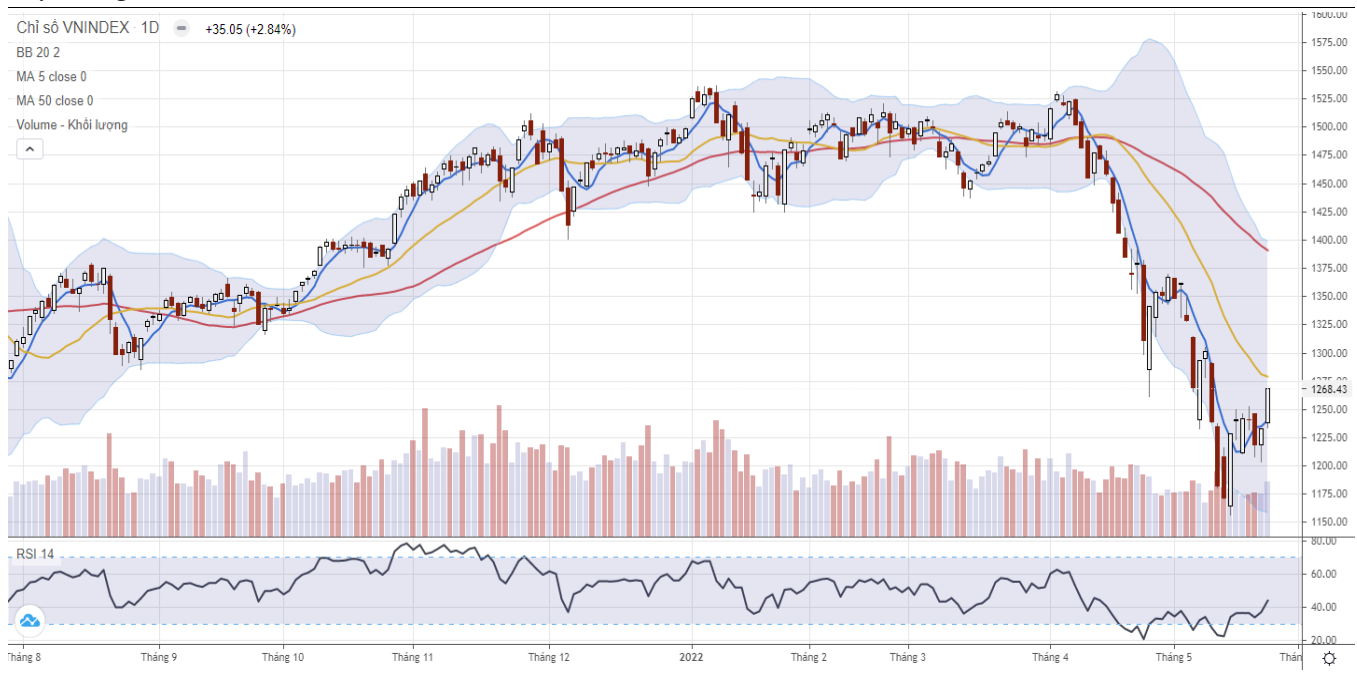


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



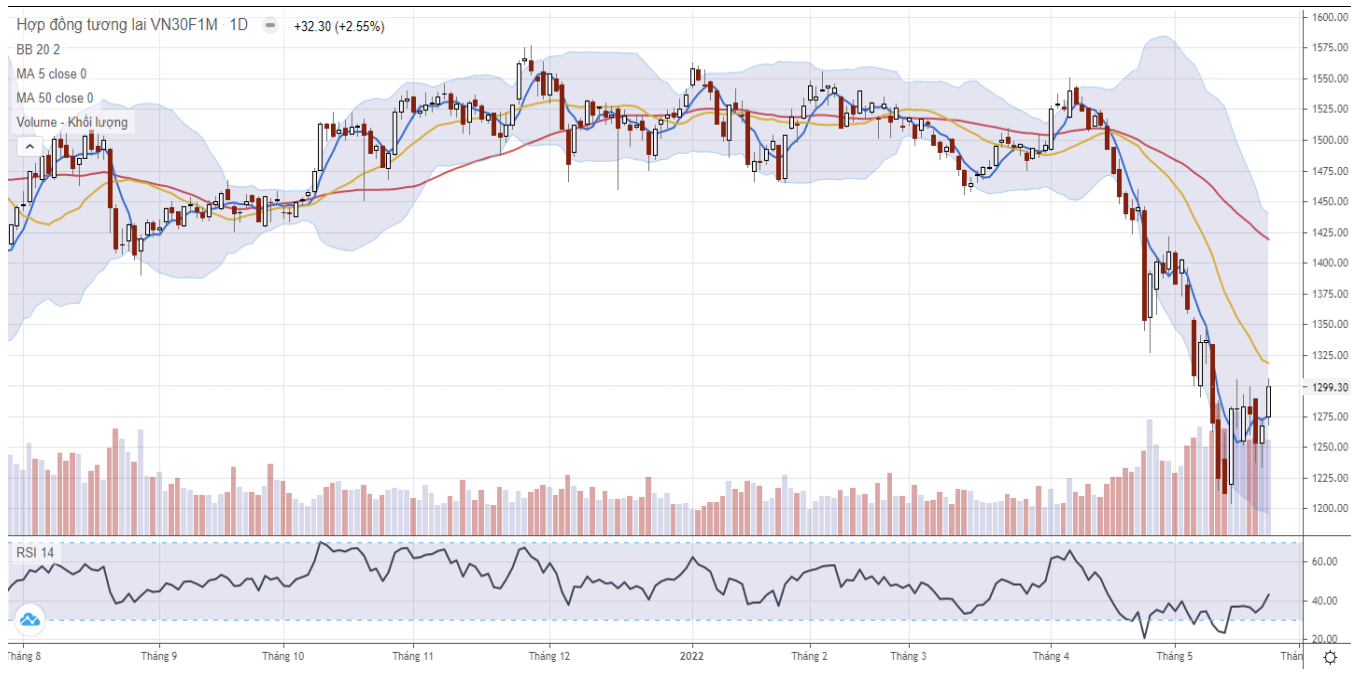
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co đầu phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Đà tăng điểm tích cực cùng sự lan tỏa của dòng tiền đến các nhóm ngành đã giúp cho VNIndex không mấy khó khăn để vượt qua vùng cản gần tại quanh 125x, hiện đã đảo vai trò điểm đỡ gần cho chỉ số. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang có nhiều cơ hội xác lập mẫu hình 2 đáy và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1300.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế trading đã mở trong những phiên trước và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1321 - 1325

Kháng cự gần: 1307 - 1310

Hỗ trợ gần: 1285 - 1287

Hỗ trợ xa: 1262 - 1266

- F1 tăng điểm giảm co đầu phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Chỉ số đã không mấy khó khăn để vượt qua vùng cản gần tại quanh 128x và đang tiếp cận sát ngưỡng cản tâm lý quanh 1300. Với đà tăng điểm tích cực cùng sự lan tỏa của dòng tiền, F1 đang có nhiều cơ hội vượt qua ngưỡng cản này trước khi chịu áp lực rung lắc trở lại tại vùng kháng cự kế tiếp quanh 1340.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự hoặc mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở, chỉ STOP nếu đánh mất vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

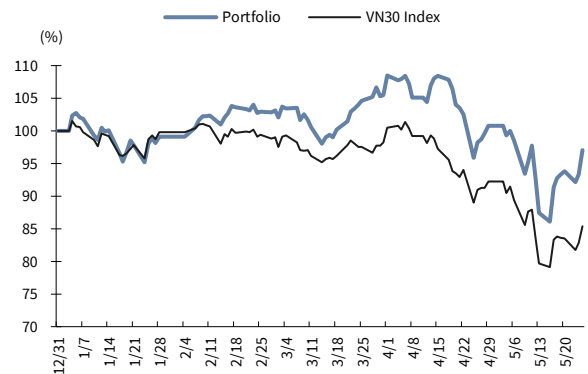
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.98%	4.01%
Tăng lũy kế (YTD)	-14.65%	-2.93%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/05/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	139,000	4.5%	79.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	58,800	6.9%	-2.5%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	115,400	7.0%	50.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trạng sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	170,400	-1.5%	-11.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,200	6.9%	171.3%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	105,000	6.9%	260.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,900	3.5%	42.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	108,400	2.5%	47.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	34,450	-1.3%	138.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	43,800	4.8%	219.7%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DCM	6.9%	8.7%	59.3
DPM	6.9%	14.2%	58.2
VNM	4.4%	54.5%	44.3
CTG	3.5%	26.0%	32.3
VRE	4.8%	31.0%	30.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.3%	21.3%	-126.9
DXG	4.0%	31.1%	-72.8
VND	3.3%	18.3%	-46.3
SSI	2.5%	35.8%	-57.2
VCI	6.1%	19.8%	-27.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	5.0%	9.1%	15.8
PVI	5.0%	58.3%	5.7
IDC	2.9%	1.3%	3.2
BAX	-2.5%	15.6%	1.0
CEO	10.0%	0.6%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PSD	4.3%	0.0%	-2.0
NTP	0.0%	17.9%	-1.3
THD	1.4%	1.4%	-0.4
HMH	1.6%	3.1%	-0.2
SHE	6.6%	2.2%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	9.7%	GVR, DGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.8%	PNJ, GIL
Công nghệ thông tin	6.6%	FPT, SGT
Xây dựng và Vật Liệu	5.4%	VGC, VCG
Bán lẻ	5.2%	MWG, DGW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-7.4%	HPG, DTL
Du lịch và Giải trí	-1.7%	HVN, TCT
Truyền thông	-0.2%	ADG, PNC
Y tế	1.1%	TRA, DMC
Bất động sản	1.4%	PDR, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.7%	GAS, POW
Bất động sản	-4.1%	VHM, VPI
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4.1%	REE, HAH
Công nghệ thông tin	-7.2%	ST8, SGT
Ngân hàng	-7.4%	EIB, HDB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-20.3%	HPG, HSG
Hóa chất	-17.2%	GVR, DPM
Dầu khí	-16.7%	PLX, PVD
Bảo hiểm	-15.7%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	-15.1%	HVN, TCT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	176,584 (7.7)	22.5	123.9	38.2	14.7	2.5	7.3	2.9	2.7	0.1	-0.4	2.0	-18.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	310,172 (13.5)	26.6	8.9	7.3	35.9	23.6	22.7	1.9	1.6	1.5	1.5	7.8	-17.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	123,558 (5.4)	17.8	27.5	18.2	-7.6	7.8	11.1	2.1	2.0	4.8	7.5	1.4	-2.2
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	233,985 (10.2)	31.3	26.6	17.8	6.7	15.6	18.8	3.7	3.0	2.2	0.8	-1.5	-13.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	48,613 (2.1)	11.6	19.2	15.4	13.7	13.3	14.0	2.2	1.9	2.0	-1.4	11.1	-19.8
DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	245,010 (10.6)	13.9	12.4	13.4	-	15.1	12.4	1.3	1.6	4.0	3.2	17.6	-21.3	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	93,105 (4.0)	6.3	14.0	11.5	11.7	21.1	21.7	2.7	2.2	1.9	2.1	-5.9	-2.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	51,624 (2.2)	12.7	13.4	9.3	-5.3	16.5	19.2	1.9	1.5	3.4	0.0	-2.6	-5.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	303,908 (13.2)	0.0	5.9	5.0	14.3	21.0	20.3	1.1	0.9	3.5	1.2	11.1	-27.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	134,059 (5.8)	1.4	6.5	5.5	50.3	20.3	20.9	1.2	1.0	3.5	1.1	-1.6	-20.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	467,568 (20.3)	0.0	7.2	6.9	18.8	21.4	17.6	1.4	1.1	5.0	1.8	-8.0	-12.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	253,868 (11.0)	0.0	7.0	5.6	14.6	24.1	23.4	1.4	1.1	4.5	5.3	-0.2	-2.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	68,464 (3.0)	4.2	7.0	5.9	23.3	22.7	21.8	1.4	1.2	4.3	6.9	8.9	-16.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	423,467 (18.4)	14.0	9.9	5.8	26.5	12.9	18.3	1.1	0.9	4.6	4.6	15.1	-27.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	103,492 (4.5)	0.0	7.8	6.2	37.4	22.4	22.5	1.6	1.3	3.2	-0.9	-7.5	-22.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,709 (0.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	2.8	3.2	7.3	-3.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	109,010 (4.7)	21.0	17.7	15.2	15.8	10.2	11.1	1.7	1.6	3.7	4.1	-9.9	-5.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	15,320 (0.7)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	3.2	6.7	-6.6	-26.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	448,497 (19.4)	55.4	10.4	-	-3.2	22.5	-	-	-	2.5	0.5	14.2	-44.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	129,130 (5.6)	71.9	8.6	-	-4.0	27.1	-	-	-	6.1	9.9	-6.0	-46.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	92,361 (4.0)	52.4	8.6	-	-19.0	19.5	-	-	-	5.3	4.8	-6.3	-47.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	286,653 (12.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	3.3	0.2	15.8	-25.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	159,759 (6.9)	42.1	16.2	14.8	4.0	28.3	29.8	4.3	4.1	4.4	2.3	-2.2	-16.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,049 (1.2)	36.9	22.9	18.9	7.3	19.5	21.6	4.2	3.8	0.0	-4.6	-2.8	2.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	122,899 (5.3)	16.5	27.3	21.4	-51.9	16.6	19.7	4.1	3.6	1.4	7.1	-4.7	-22.5
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	34,561 (1.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.0	-0.3	-8.3	-48.7	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	73,974 (3.2)	11.0	55.4	-	-88.5	7.7	-	-	-	0.3	0.0	-4.0	-2.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	145,564 (6.3)	10.8	20.9	16.9	-57.0	12.5	13.2	2.4	2.2	6.0	6.4	11.8	15.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	114,752 (5.0)	38.4	7.4	29.6	65.7	14.8	3.6	1.1	1.1	3.4	13.3	1.8	-51.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	54,076 (2.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-3.5	11.1	8.1	-67.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	315,268 (13.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	6.9	5.9	15.5	-42.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	38,004 (1.7)	3.6	12.8	7.7	-52.4	3.4	5.4	0.4	0.4	7.0	2.5	10.7	-55.3
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	93,055 (4.0)	0.0	13.4	11.7	-4.5	15.5	14.1	2.3	2.0	6.9	9.9	29.4	33.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	67,946 (2.9)	46.1	17.5	16.2	-17.5	20.9	19.6	3.7	3.5	2.5	3.2	3.7	12.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,479 (0.6)	31.4	11.3	9.5	-10.5	14.9	16.1	1.5	1.4	3.2	4.2	7.4	-14.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,180 (0.1)	34.1	18.2	9.9	-5.1	6.7	11.9	-	-	0.6	-2.2	-6.8	-26.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	839,995 (36.4)	18.0	5.2	5.2	21.9	31.6	23.2	1.3	1.1	-1.3	-9.8	-	-25.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	303,858 (13.2)	36.5	6.7	9.8	-0.5	32.8	18.7	1.8	1.7	6.9	12.2	-5.2	17.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	181,061 (7.9)	46.5	7.7	10.5	-4.5	32.4	19.5	2.0	1.8	6.9	22.1	1.5	-0.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	208,696 (9.1)	38.9	3.3	4.3	67.9	28.1	18.7	0.8	0.6	5.0	-0.9	-	-43.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	51,586 (2.2)	97.2	12.3	11.0	17.2	7.0	7.6	0.8	0.8	5.0	6.8	-1.9	-37.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	58,762 (2.6)	4.6	15.7	12.1	-51.0	13.8	15.9	1.6	1.5	3.5	0.0	-	-23.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	141,320 (6.1)	39.9	27.5	12.9	-11.9	3.3	5.9	0.8	0.7	6.8	16.7	21.4	-11.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	65,222 (2.8)	35.9	8.2	7.0	2.2	15.7	16.3	1.2	1.1	7.0	9.5	11.0	-14.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	216,721 (9.4)	0.0	15.5	12.9	14.4	27.6	27.2	4.1	3.5	4.5	4.1	-4.1	2.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	76,807 (3.3)	0.0	18.9	14.8	2.4	22.3	22.2	3.3	2.8	7.0	13.0	7.9	20.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,089 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.1	1.2	5.0	-33.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	134,366 (5.8)	30.3	15.0	12.5	-75.2	30.5	28.4	4.3	3.2	6.9	7.3	-	21.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,166 (1.5)	34.6	8.9	10.4	41.2	33.5	22.9	2.5	1.9	5.1	6.3	-0.8	-10.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,910 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	1.5	0.0	-3.1	-17.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	265,750 (11.5)	0.0	21.8	15.4	15.5	26.1	29.1	4.6	-	6.9	7.5	1.5	12.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.